

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 6 - 2019
“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Thị Huế

Ông Lý Văn Sua

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 338/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thùy T, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Số 16/354, khóm Trà Kha B, phường T, thành phố B, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Anh Thiệu Văn D, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã ĐB, thành phố C, tỉnh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Trần Thị Thùy T trình bày: Chị với anh D sống chung vào năm 1995, không tổ chức cưới gả theo phong tục và cũng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh D không chăm lo cho vợ con và vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm và không thể chung sống với anh D được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị T xác định có 02 con chung tên Thiệu Cát P, sinh năm 1998 đã trưởng thành và Trần Ngọc Y, sinh ngày 05/5/2011, hiện cháu Y đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Y, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

Anh Thiệu Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa

và Giấy triệu tập anh D tham gia các phiên tòa xét xử nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Anh Thiệu Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại Điều 207 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó hôn nhân giữa chị T và anh D đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống chị T cho là có nhiều mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau do anh D không chăm lo cho gia đình và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh D được nữa. Đối với anh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia hòa giải và xét xử tại tòa án, mặc dù anh D đã biết việc chị Duyên xin ly hôn nhưng không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo như trình bày của chị T. Mặc khác chị T và anh D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có cơ sở tuyên bố mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T xác định có 02 người con chung tên Thiệu Cát P, sinh năm 1998 đã trưởng thành và Trần Ngọc Y, sinh ngày 05/5/2011, hiện cháu Y đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Yến, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 20/6/2019 nguyện vọng của cháu Y mong muốn được sống chung với mẹ là chị T. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của chị T phù hợp với nguyện vọng của cháu Y, và thực tế cháu Y vẫn đang sống chung với chị T. Mặc khác, anh D cũng không có ý kiến gì về đối với yêu cầu của chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu Yến cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Mặc dù, giao con cho chị T nuôi nhưng nếu trong thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng nếu chị T gặp khó khăn hoặc cản trở việc anh D thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với con thì anh D vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị T xác định không có, không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T xác định không có, không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình chị T phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14, 15, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Thùy T và anh Thiệu Văn D là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Y, sinh ngày 05/5/2011 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh D.

Anh D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Trần Thị Thùy T phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 17/4/2019, Chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0002379 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trần Huyền Trân

